

Bản án số: 2241/2024/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Hồ Thị Lang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 2364/2023/TLST- KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 701/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 613/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: quận G, Thành phố N.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ; địa chỉ: Phường O, Quận A, Thành phố H.

- Bị đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: Phường M, quận B, Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Công P1

Địa chỉ: Phường M, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Gia Đ trình bày: Công ty TNHH P (gọi tắt công ty P) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số: CLC/1421-01 ngày 19/6/2023; Hạn mức cho vay: 154.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu đồng); Mục đích: Bổ sung vốn lưu động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Thời hạn duy trì

hạn mức: 12 tháng (Bằng chữ: Mười hai tháng) và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 30/6/2023. Cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng cho vay số: CLC/1421-01 ngày 19/6/2023 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số: 2106232-11312627-ONL-1 ngày 21/6/2023. Số tiền vay: 154.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 18.2%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/7/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản vay có kỳ hạn 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2023. Các kỳ trả nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2023.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 30/6/2023. Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: 60 tháng; Lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là: 32%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn được điều chỉnh theo đúng quy định tại Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN được công bố trên website <http://www.vpbank.com.vn>

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngân hàng V và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau: Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông Huỳnh Công P1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-2660/23/SME/BLCN-01 ngày 19/6/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH P đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn. V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH P để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty P cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 24/05/2024, Công ty TNHH P đang còn nợ tại ngân hàng V số tiền như sau: Nợ gốc hợp đồng: 141.165.990 đồng; Nợ lãi hợp đồng: 28.842.714 đồng; Nợ lãi chậm trả 168.460 đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng: 187.355.976 đồng; Nợ Lãi : 71.138.001 đồng. Tổng cộng: 428.671.141 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, một trăm bốn mươi một đồng) (Chi tiết đối với số dư nợ nêu trên được thể hiện trong Bảng tổng hợp dư nợ của Công ty TNHH P ngày 03/04/2024 nộp kèm theo).

Yêu cầu khởi kiện cụ thể: Buộc Công ty TNHH P phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ tạm tính đến thời điểm ngày 24/05/2024 là: Nợ gốc HĐ: 141.165.990 đồng; Nợ lãi HĐ: 28.842.714 đồng; Nợ lãi chậm trả 168.460 đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng: 187.355.976 đồng; Nợ Lãi : 71.138.001 đồng. Tổng cộng: 428.671.141 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, một trăm bốn mươi một đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 25/05/2024 Công ty TNHH P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng V.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Huỳnh Công P1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2660/23/SME/BLCN-01 ngày 19/6/2023 đã ký.

Bị đơn Công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công P1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công P1 không cử đại diện đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ trình bày: Nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P trả toàn bộ số tiền còn thiếu trả ngay một lần số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2024 số nợ gốc và lãi phát sinh của bị đơn cụ thể như sau: Tổng số tiền còn thiếu của hợp đồng vay số CLC/1421-01 ngày 19/6/2023 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số: 2106232-11312627-ONL-1 ngày 21/6/2023 là 181.479.280 (trong đó: nợ gốc: 141.165.990 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.165.072 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.903.239 đồng); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tổng số tiền 290.277.763 đồng (trong đó: nợ gốc 187.355.976 đồng, nợ lãi: 102.921.787 đồng). Tổng số tiền của 2 hợp đồng: 471.757.043 đồng và kể từ ngày 01/10/2024 bị đơn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng V.

Bị đơn Công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, tuy nhiên có trễ hạn thời hạn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 299, 320, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu theo quy định của pháp luật. (Kèm theo bài phát biểu ngày 30/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn Công ty TNHH P trả tiền vay theo hợp đồng vay đã ký kết và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0315062095 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/02/2023 người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Công P1 địa chỉ trụ sở Phường M, quận B, Thành phố H”. Xét bị đơn có đăng ký giấy phép kinh doanh tại quận B, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn Công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và những chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét việc Công ty TNHH P có đại diện là ông Huỳnh Công P1 đã ký hợp đồng vay số CLC/1421-01 ngày 19/6/2023 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số: 2106232-11312627-ONL-1 ngày 21/6/2023 vay số tiền 154.000.000 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 30/6/2023 sử dụng số tiền 200.000.000 đồng; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2660/23/SME/BLCN-01 ngày 19/6/2023.

Toàn bộ hồ sơ Hợp đồng vay, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết, về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Công ty có đại diện là ông Huỳnh Công P1 cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bảo lãnh vay tiền và đã nhận đủ số tiền vay, theo tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có căn cứ xác định bị đơn đã được giải ngân số tiền theo hợp đồng vay Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện công ty P đã thanh toán cho V số tiền gốc là 14.812.399 đồng, nợ lãi là 1.978.389 đồng; Tạm tính đến hết ngày 30/9/2024 số nợ gốc và lãi phát sinh của bị đơn cụ thể như sau: Tổng số tiền còn thiếu của hợp đồng vay số CLC/1421-01 ngày 19/6/2023 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số: 2106232-11312627-ONL-1 ngày 21/6/2023 là 181.479.280 (trong đó: nợ gốc: 141.165.990 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.165.072 đồng, nợ lãi quá hạn: 37.903.239 đồng); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tổng số tiền 290.277.763 đồng (trong đó: nợ gốc

187.355.976 đồng, nợ lãi: 102.921.787 đồng). Tổng số tiền của 2 hợp đồng: 471.757.043 đồng và kể từ ngày 01/10/2024 bị đơn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng V. Do trong quá trình vay và sử dụng số tiền thẻ của công ty P đã vi phạm nghĩa vụ như hợp đồng vay ký kết nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất, xét Hợp đồng vay, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng bảo lãnh các bên có thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 mà không theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2660/23/SME/BLCN-01 ngày 19/6/2023 được ký kết giữa ngân hàng V và ông Huỳnh Công P1 đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông Huỳnh Công P1. Do công ty P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên đối với yêu cầu này của Ngân hàng đối với hợp đồng bảo lãnh là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu công ty TNHH P thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 30/9/2024 Tổng số tiền của 2 hợp đồng là: 471.757.043 đồng.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 292, Điều 299, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc bị đơn công ty TNHH P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn thiếu tạm tính đến hết ngày 30/9/2024 Tổng số tiền 471.757.043 đồng trong đó (nợ gốc hợp đồng: 141.165.990 đồng, lãi trong hạn: 2.165.072 đồng, lãi quá hạn: 37.903.239 đồng, lãi chậm trả: 244.979 đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng: 187.355.976 đồng, lãi: 102.921.787 đồng). Kể từ ngày 01/10/2024 bị đơn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V. Thời hạn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nêu trên thì ông Huỳnh Công P1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2660/23/SME/BLCN-01 ngày 19/6/2023 đã ký.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn công ty TNHH P phải chịu án phí sơ thẩm là 22.349.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn) đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm đóng là 9.232.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0028908 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh